

Số: /QĐ-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 86/2022/NĐ-CP ngày 24/10/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 376-NQ/BCSD ngày 12/11/2021 của Ban Cán sự Đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo về tăng cường công tác cải cách hành chính của Bộ Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 4570/QĐ-BGDĐT ngày 30/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch cải cách hành chính của Bộ Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 3286/QĐ-BGDĐT ngày 28/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Kế hoạch cải cách hành chính của Bộ Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 4570/QĐ-BGDĐT ngày 30/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch cải cách hành chính năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Các Thứ trưởng;
- Các đơn vị thuộc Bộ (để thực hiện);
- Website Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, VP (KSTTHC).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Hoàng Minh Sơn

KẾ HOẠCH

Cải cách hành chính năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BGDĐT ngày tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Để triển khai thực hiện tốt công tác cải cách hành chính tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030 (Nghị quyết số 76/NQ-CP); Nghị quyết số 376-NQ/BCSD ngày 12/11/2021 của Ban Cán sự Đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo về tăng cường công tác cải cách hành chính của Bộ Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2021-2025 (Nghị quyết số 376-NQ/BCSD); Kế hoạch cải cách hành chính của Bộ Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 4570/QĐ-BGDĐT ngày 30/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 3286/QĐ-BGDĐT ngày 28/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2021-2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo), Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2024 của Bộ với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Triển khai công tác cải cách hành chính (CCHC) của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) năm 2024 một cách thống nhất, đồng bộ nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước của Bộ. Xác định rõ các nhiệm vụ CCHC cụ thể, gắn với từng đơn vị để chủ động trong chỉ đạo, điều hành, triển khai thực hiện các Chỉ số CCHC năm 2024 của Bộ GDĐT.

b) Tăng cường trách nhiệm của các cá nhân, đơn vị và người đứng đầu các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ GDĐT trong việc triển khai nhiệm vụ CCHC; nâng cao chất lượng, hiệu quả CCHC. Phân đầu năm 2024, cải thiện, nâng cao kết quả xác định Chỉ số CCHC của Bộ GDĐT.

2. Yêu cầu

a) Bám sát yêu cầu của Nghị quyết số 76/NQ-CP, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Nội vụ để cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ CCHC và gắn với các nhiệm vụ, giải pháp đã được xác định tại Nghị quyết số 376-NQ/BCSD, Kế hoạch CCHC giai đoạn 2021-2025 của Bộ.

b) Xác định rõ các nhiệm vụ trọng tâm CCHC trong năm 2024, lộ trình thực

hiện, kết quả, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp, trong đó có trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị và ưu tiên bố trí nguồn lực để tổ chức triển khai có hiệu quả Kế hoạch.

c) Tăng tính chủ động, sáng tạo trong công tác CCHC, áp dụng những giải pháp mới trong việc nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý nhà nước của Bộ.

II. NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỤ THỂ

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

a) Tổ chức triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ CCHC trọng tâm năm 2024 theo Phụ lục kèm theo Kế hoạch này, bám sát mục tiêu, nhiệm vụ của từng lĩnh vực công tác CCHC bảo đảm chất lượng và tiến độ. Tăng cường vai trò, trách nhiệm của đơn vị thường trực CCHC của Bộ trong công tác tham mưu, đôn đốc, hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ công tác CCHC của các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ theo chỉ đạo của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Nội vụ bảo đảm khoa học, thông suốt, hiệu lực, hiệu quả.

b) Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, kiểm tra CCHC dưới các hình thức phù hợp, hiệu quả, thiết thực.

c) Nghiên cứu, đề xuất sáng kiến mới, giải pháp giúp nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước của Bộ.

d) Tổ chức bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ về thực hiện công tác CCHC cho công chức, viên chức, người lao động tại Bộ.

đ) Theo dõi, đánh giá và khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với dịch vụ giáo dục công làm cơ sở cho việc ban hành các biện pháp nâng cao chất lượng phục vụ, nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ CCHC. Sử dụng hiệu quả các thông tin của Chỉ số CCHC năm 2023 để cải thiện nâng cao hiệu quả CCHC của Bộ GDĐT.

2. Cải cách thể chế

a) Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện thể chế ngành giáo dục, trong đó, tập trung nghiên cứu, rà soát, xây dựng, hoàn thiện các văn bản thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục, hoàn thiện văn bản đảm bảo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng.

b) Nâng cao chất lượng công tác soạn thảo, xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong việc: tham mưu lập đề nghị chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và Chương trình soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật năm 2024 của Bộ GDĐT; thẩm định đề nghị xây dựng, dự thảo, ban hành văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo đồng bộ, khả thi; đôn đốc các đơn vị được giao nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Bộ GDĐT đảm bảo thời hạn, chất lượng văn bản, tỷ lệ ban hành xây dựng ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ năm 2024 đạt 95% trở lên.

c) Tăng cường công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực giáo dục để phát hiện và có hướng xử lý kịp thời các quy định chồng chéo, mâu thuẫn, chưa thống nhất, chưa phù hợp với thực tiễn, đang gây khó khăn cho việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quản lý của ngành.

d) Đẩy mạnh và đổi mới phương thức tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách mới, nhất là các chính sách liên quan đến ngành giáo dục. Triển khai tuyên truyền phổ biến chủ trương chính sách mới từ trước, trong và sau khi ban hành văn bản, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

đ) Tổ chức hiệu quả công tác theo dõi, thi hành pháp luật, đánh giá tình hình thi hành pháp luật hằng năm của Bộ; kịp thời xử lý các vấn đề mới phát sinh trong tổ chức thi hành pháp luật.

e) Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, nâng cao năng lực của công chức, viên chức trong việc tham mưu xây dựng văn bản pháp luật của Bộ, của ngành

3. Cải cách thủ tục hành chính

a) Kiểm soát chặt chẽ thủ tục hành chính (TTHC) trong văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm công tác kiểm soát TTHC phải gắn liền với công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Theo đó, quy định về TTHC trong các văn bản quy phạm pháp luật phải được kiểm soát ngay từ khi lập đề nghị, xây dựng chính sách, công khai, minh bạch về quy định và quy trình giải quyết TTHC.

b) Thực hiện công bố, công khai kịp thời, đầy đủ, chính xác TTHC thuộc phạm vi quản lý của Bộ. Đảm bảo 100% các TTHC thuộc phạm vi quản lý của Bộ được công bố, công khai trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng thông tin điện tử của Bộ kịp thời và các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ được tích hợp trên Cổng dịch vụ công Bộ GDĐT và công khai tại nơi trực tiếp giải quyết TTHC.

Công bố quy trình nội bộ giải quyết TTHC theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP, Thông tư số 01/2018/TT-VPCP và các văn bản liên quan. Trong đó, xác định rõ thời hạn, trách nhiệm giải quyết trong từng bước, giai đoạn đối với các TTHC liên quan đến nhiều đơn vị thuộc Bộ.

c) Tiếp tục triển khai Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ; hoàn thành việc thực thi Phương án phân cấp trong giải quyết TTHC thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ được phê duyệt tại Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ; tổ chức triển khai đảm bảo tiến độ Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 - 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

d) Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP; Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC.

100% hồ sơ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ GDĐT phải được tiếp nhận, giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC và liên thông, đồng bộ với Cổng Dịch vụ công quốc gia để người dân, doanh nghiệp theo dõi, đánh giá quá trình thực hiện.

Thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC theo đúng quy định của Chính phủ tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP, gắn việc số hóa với việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình tiếp nhận, giải quyết TTHC.

Đẩy mạnh việc thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn, khuyến khích người dân, doanh nghiệp chủ động tham gia thực hiện và sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến và Một cửa điện tử của Bộ GDĐT.

đ) Đẩy mạnh rà soát, đề xuất đơn giản hóa hoặc cắt giảm các TTHC, quy định không cần thiết làm phát sinh chi phí tuân thủ, nhất là của người dân, doanh nghiệp tại các văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ GDĐT.

e) Tổ chức tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính theo quy định của Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính.

4. Cải cách tổ chức bộ máy

a) Tổ chức rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức, hoạt động các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ đảm bảo tinh gọn, giảm đầu mối tổ chức trung gian, khắc phục triệt để sự trùng lặp, chồng chéo hoặc bỏ trống chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Nghị định số 101/2020/NĐ-CP và Nghị định số 120/2020/NĐ-CP.

Hoàn thiện quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ căn cứ quy định của Nghị định số 86/2022/NĐ-CP ngày 24/10/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ GDĐT.

Tiếp tục thực hiện Đề án sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ GDĐT theo Quyết định 1292/QĐ-TTg ngày 24/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Trên cơ sở các nhiệm vụ được Chính phủ giao tại Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 và các văn bản, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện

phân cấp, phân quyền, xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện; đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới thuộc ngành, lĩnh vực, phạm vi quản lý; hoàn thiện các quy định về điều kiện bảo đảm thực hiện việc phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước về giáo dục.

5. Cải cách chế độ công vụ

a) Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện hoặc ban hành mới các văn bản về xây dựng, quản lý đội ngũ cán bộ, công chức viên chức của ngành theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức, bảo đảm đồng bộ, liên thông giữa hệ thống văn bản của Đảng với các quy định của pháp luật.

Xác định số lượng cán bộ, công chức, viên chức theo Đề án xác định vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, phù hợp với số lượng biên chế được giao từng đơn vị thuộc Bộ để đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao.

Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định về tiêu chuẩn ngạch công chức, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức theo thẩm quyền; thực hiện đúng quy định về trình tự, thủ tục trong công tác tuyển dụng, sử dụng, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ, công chức, viên chức. Nghiên cứu, triển khai việc thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp vụ, phòng và tương đương.

b) Tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Ban Chấp hành Trung ương về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế.

c) Xây dựng và ban hành hệ thống đánh giá cán bộ, công chức của Bộ đảm bảo khoa học, hợp lý, dân chủ, công khai, minh bạch là cơ sở để lựa chọn, bố trí, sử dụng, đề bạt, bổ nhiệm và thực hiện chính sách cán bộ. Triển khai thực hiện Quy chế đánh giá, xếp loại công chức, viên chức và người lao động trong các đơn vị thuộc Bộ GDĐT theo quy định tại Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/08/2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức và Nghị định số 48/2023/NĐ-CP ngày 17/7/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/08/2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức.

d) Hoàn thiện quy định về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động công vụ; xây dựng và ban hành quy định về thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong công tác cán bộ và quản lý cán bộ; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm những người có sai phạm, kể cả khi đã chuyển công tác hoặc nghỉ hưu.

đ) Đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, kỹ năng, nghiệp vụ quản lý hành chính, trình độ chuyên môn và phẩm chất cho đội ngũ

cán bộ, công chức, viên chức ngành giáo dục gắn với vị trí việc làm. Tổ chức thực hiện đào tạo, bồi dưỡng, từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo quy định tại Nghị định số 89/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017. Tăng cường tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ công chức, viên chức thực hiện công tác cải cách hành chính của Bộ.

6. Cải cách tài chính công

a) Đề xuất, trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo; quy định quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật và phương pháp xây dựng giá dịch vụ giáo dục đào tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục đào tạo, làm cơ sở cho việc ban hành đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực giáo dục đào tạo theo quy định của pháp luật.

b) Nghiên cứu, rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung Danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn các cơ sở thực hiện xã hội hóa lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

c) Hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung phương án tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ GDĐT bám sát chủ trương nâng cao hiệu quả hoạt động doanh nghiệp nhà nước của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; hoàn thiện quy định, quy chế giám sát doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ GDĐT để tăng cường hiệu quả giám sát việc quản lý sử dụng vốn, tài sản nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp.

d) Rà soát, hoàn thiện các văn bản thuộc thẩm quyền của Bộ về quản lý, sử dụng tài sản công.

Kiểm tra các đơn vị trực thuộc Bộ về việc quản lý, sử dụng tài sản công; sắp xếp lại, xử lý nhà đất theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công và Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ.

Triển khai tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý theo Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội về đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

7. Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, chính phủ số

a) Rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản, cơ chế chính sách tạo môi trường pháp lý thuận lợi đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác quản lý nhà nước tại Bộ GDĐT.

b) Tiếp tục nâng cấp, mở rộng hệ thống hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, Kiến trúc Chính phủ điện tử của Bộ, hướng tới vận hành theo mô hình điện toán đám mây, bảo đảm vận hành các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu; triển khai mở rộng, tăng tỷ lệ các ứng dụng có dữ liệu dùng chung được kết nối, sử dụng qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp Bộ (LGSP) bảo đảm kết nối thông suốt với Nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) để phục vụ phát triển Chính phủ số.

Phát triển, nâng cấp các ứng dụng, dịch vụ nội bộ, hệ thống phục vụ chỉ đạo, điều hành của Bộ: Hệ thống quản lý hành chính điện tử Eoffice; xây dựng Trung tâm chỉ đạo, điều hành thông tin tập trung của Bộ; các cơ sở dữ liệu chuyên ngành dùng chung trong cơ quan Bộ (phần mềm quản lý hồ sơ cán bộ công chức, viên chức - Pmis; phần mềm quản lý thi đua, khen thưởng; ...).

Hoàn thành việc kết nối, chia sẻ dữ liệu của Cơ sở dữ liệu ngành với Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Bộ. Đồng thời, xây dựng, kết nối Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Bộ với Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Cổng Dịch vụ công quốc gia để hạn chế việc yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp thông tin, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC đã được số hóa hoặc chia sẻ từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành theo đúng quy định.

c) Triển khai các chế độ báo cáo thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ GDĐT trên Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ; kết nối báo cáo, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành của bộ với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; tiếp tục đẩy mạnh việc xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng của các đơn vị thuộc Bộ; tăng tỷ lệ gửi, nhận văn bản điện tử 4 cấp chính quyền đối với các đơn vị thuộc bộ phải thực hiện kết nối theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ.

d) Hoàn thiện, nâng cấp Cổng dịch vụ công trực tuyến và Một cửa điện tử của Bộ đáp ứng yêu cầu kết nối Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (đối với các thành phần công nghệ thông tin thiết yếu phục vụ triển khai Đề án 06¹ theo hướng dẫn tại Công văn số 1552/BTTTT-THH ngày 26/4/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông).

đ) Thực hiện rà soát, tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ giải quyết TTHC trên môi trường điện tử đối với các TTHC đủ điều kiện áp dụng dịch vụ công trực tuyến toàn trình theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Rà soát kỹ và cấu trúc lại quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC trên cơ sở liên thông điện tử và tái sử dụng dữ liệu để xây dựng, cung cấp dịch vụ công trực

¹ Đề án Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyên đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

tuyên, thanh toán trực tuyến, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc lấy người dùng làm trung tâm.

e) Hoàn thành việc tích hợp, đồng bộ dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử, theo quy định tại Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ để công khai kết quả đánh giá Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công và danh sách cán bộ, công chức, viên chức, cơ quan, đơn vị để xảy ra chậm trễ.

8. Triển khai Đề án Đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công

a) Triển khai Bộ chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công nhằm đánh giá khoa học, khách quan chất lượng dịch vụ của các cơ sở giáo dục công, từ đó có biện pháp nâng cao chất lượng phục vụ và cung cấp dịch vụ giáo dục nhằm đáp ứng sự hài lòng và lợi ích của người dân, tổ chức.

Hoàn thiện cơ sở dữ liệu đo lường mức độ hài lòng trên cơ sở dữ liệu tập trung tại các lĩnh vực: về tiếp cận dịch vụ giáo dục đảm bảo chất lượng giáo dục; về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học; môi trường giáo dục; hoạt động giáo dục; kết quả giáo dục.

b) Rà soát, hoàn thiện các văn bản, chính sách, tạo hành lang pháp lý để các cơ sở giáo dục, địa phương chủ động trong việc thực hiện và báo cáo, đánh giá hàng năm.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo

Căn cứ vào nội dung, nhiệm vụ Kế hoạch CCHC năm 2024 của Bộ GDĐT, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo phân công tại phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

b) Phân công lãnh đạo đơn vị và bố trí cán bộ làm đầu mối thực hiện nhiệm vụ CCHC để tổ chức thực hiện và phối hợp triển khai các nhiệm vụ được giao đảm bảo chất lượng, hiệu quả, đúng tiến độ; đồng thời lập dự toán kinh phí triển khai các nhiệm vụ CCHC.

c) Đôn đốc, theo dõi, và đánh giá thực hiện công tác CCHC tại đơn vị; thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ (theo quý) gửi Văn phòng tổng hợp theo quy định về chế độ báo cáo định kỳ công tác CCHC.

2. Văn phòng, Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ Pháp chế, Vụ Kế hoạch - Tài chính, Cục Công nghệ thông tin - Trưởng các Tiểu ban cải cách hành chính của Bộ GDĐT được giao chủ trì các nội dung trong công tác CCHC có trách nhiệm báo cáo, theo

dõi, đôn đốc các đơn vị thuộc Bộ GDĐT thực hiện các nhiệm vụ được giao, kịp thời báo cáo Lãnh đạo Bộ GDĐT những vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện, trên cơ sở đó đề xuất những giải pháp đẩy mạnh công tác CCHC trong phạm vi quản lý của Bộ GDĐT.

3. Văn phòng chủ trì, phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện Đề án Đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công đảm bảo đúng kế hoạch của Chính phủ.

4. Vụ Kế hoạch - Tài chính chủ trì, phối hợp với Văn phòng và các đơn vị liên quan bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ CCHC của Bộ theo quy định hiện hành./.